

NHẬN XÉT TÌNH HÌNH BỆNH NHÂN DA LIỄU TẠI PHÒNG KHÁM BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y- DƯỢC THÁI NGUYÊN

Phạm Công Chính*

Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhận xét cơ cấu bệnh nhân Da liễu đến khám tại Bệnh viện Trường đại học Y-Dược Thái Nguyên. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả trên các bệnh nhân đến khám và điều trị tại phòng khám Da liễu. **Kết quả:** Nam: 37,60%, nữ chiếm 62,40%, chủ yếu là học sinh-sinh viên: 43,02% , với tỷ lệ bảo hiểm y tế: 74,54%. Bệnh ngoài da hay gặp nhất là nhóm bệnh da dị ứng: 47,10% trong đó chủ yếu là mày đay không rõ nguyên nhân, viêm da cơ địa và sẩn ngứa. Nhóm bệnh lý nang lông-tuyến bã: 16,71%, trong đó chủ yếu là trứng cá tuổi trẻ. Nhóm bệnh do vi-ký sinh trùng và nấm: 13,20% và 9,10%, trong đó chủ yếu là: chốc, viêm chân lông, tóc và hắc bào. Các bệnh lý ngoài da khác có tỷ lệ thấp hơn.

Từ khoá: Bệnh ngoài da, Cơ cấu bệnh da liễu

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh ngoài da là bệnh thường gặp ở mọi nơi, mọi lúc, mọi lứa tuổi, mọi nghề nghiệp, là bệnh khá phổ biến trong cộng đồng. Bệnh ít gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng ảnh hưởng đến thẩm mỹ, sinh hoạt và hiệu suất lao động [4]. Bệnh gặp ở tất cả các cơ sở y tế, các phòng khám bệnh với nhiều biểu hiện bệnh lý khác nhau.

Theo một nghiên cứu tại Thái Nguyên (1999), bệnh ngoài da chiếm 17,17% dân số và bệnh nhân bị bệnh ngoài da điều trị nội trú tại khoa Da liễu Bệnh viện đa khoa Thái Nguyên chiếm tỷ lệ 1,25% tổng số bệnh nhân toàn Bệnh viện [2]. Tại Hải Phòng, tỷ lệ bệnh da trong cộng đồng: 11,77%, tại Quảng Trị: 18,4%, tại Tuyên Quang 20,65% và tại thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ này là 20-25% [trích 1]

Bệnh viện trường đại học Y - Dược Thái Nguyên được thành lập từ năm 2007 đến nay đã được 5 năm hoạt động, bệnh viện đã khám và điều trị cho hàng ngàn lượt bệnh nhân, trong đó có các bệnh nhân da liễu. Việc đánh giá được cơ cấu bệnh, tính đa dạng và phổ biến của bệnh hay nhóm bệnh, thành phần và đối tượng bệnh nhân có ý nghĩa trong việc lập kế hoạch nhằm phục vụ tốt hơn công tác khám và chữa bệnh cho bệnh nhân. Chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu:

Nhận xét tình hình bệnh nhân Da liễu đến khám tại Bệnh viện Trường ĐH Y -Dược Thái Nguyên.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

- Các bệnh nhân bị bệnh ngoài da đến khám tại BV trường đại học Y - Dược Thái Nguyên
 - Tiêu chuẩn chọn đối tượng NC: Dựa vào tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh ngoài da của Ngành da liễu (bệnh nhân có tổn thương da kèm theo có ngứa, đau, rát...)
 - Tiêu chuẩn loại trừ: Bệnh nhân có ngứa, đau, rát ngoài da nhưng không có tổn thương
- Phương pháp nghiên cứu:
- Phương pháp nghiên cứu: mô tả
 - Thời gian nghiên cứu: 1/2012 đến 10/2012
 - Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Trường ĐH Y - Dược TN
 - Phương pháp chọn mẫu: Thuận tiện
 - Cỡ mẫu: Toàn bộ
 - **Chỉ tiêu nghiên cứu:**+ Một số đặc điểm dịch tễ học: tuổi, giới, nghề nghiệp...
+ Tỷ lệ BN bảo hiểm / bệnh nhân tự nguyện
+ Tỷ lệ các bệnh da / nhóm bệnh da
 - Kỹ thuật thu thập số liệu: Phỏng vấn, khám, ghi chép

Phương pháp xử lý số liệu: Theo thuật toán thống kê Y sinh học

* Tel: 0984 671959, Email: chinhdhytn@gmail.com

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Phân bố về tuổi, giới của bệnh nhân

Giới Tuổi	Nam		Nữ		Tổng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Từ dưới 15	77	7,31	63	5,98	140	13,29
Từ 16- 25	131	12,44	329	31,14	460	43,68
Từ 26 - 35	76	7,21	112	10,63	188	17,85
Từ 36 - 45	49	4,65	69	6,55	118	13,30
Từ 46- 55	34	3,22	58	5,51	92	8,73
Trên 55	29	2,75	26	2,47	55	5,22
Tổng	396	37,60	657	62,40	1053	100,00

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân ở độ tuổi 16-25 chiếm tỷ lệ nhiều nhất (43,68%), tiếp đến là độ tuổi 26-35 (17,48%), thấp nhất là độ tuổi trên 55 (5,22%). Về giới: bệnh nhân nữ gặp nhiều hơn bệnh nhân nam, với tỷ lệ 62,40%.

Bảng 2. Phân bố bệnh nhân theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ %
Học sinh - Sinh viên	453	43,02
Cán bộ công chức	147	13,96
Công nhân	91	8,64
Làm ruộng	183	17,38
Hưu trí	38	3,61
Nội trợ/Tự do	64	6,08
Trẻ em	69	6,55
Nghề khác	08	0,76
Tổng	1053	100,00

Nhận xét: Nghề nghiệp của bệnh nhân chủ yếu là học sinh - sinh viên, chiếm tỷ lệ 43,02%, tiếp đến là những người làm ruộng: 17,38%. Các nghề còn lại chiếm tỷ lệ thấp hơn

Bảng 3. Tỷ lệ bệnh nhân BHYT và khám tự nguyện

Đối tượng Giới	Bảo hiểm Y tế (BHYT)		Tự nguyện	
	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%
Nam	253	24,02	143	13,58
Nữ	532	50,52	125	11,88
Tổng	785	74,54	268	25,45

Nhận xét: Số bệnh nhân khám có BHYT chiếm tỷ lệ đa số với 785 trường hợp chiếm 74,54%, trong đó đa số là nữ (50,52%) Số bệnh nhân khám tự nguyện chỉ chiếm 25,45%.

Bảng 4. Phân bố bệnh nhân theo nhóm bệnh da

Nhóm bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
Do cơ chế miễn dịch dị ứng	496	47,10
Bệnh lý nang lông tuyến bã	176	16,71
Bệnh da do vi trùng-do virus	139	13,20
Bệnh nấm nông	97	9,21
Tổn thương niêm mạc miệng lưỡi	37	3,52
Dày sừng-hạt cơm	33	3,14
Rối loạn sắc tố da	25	2,37
Rụng tóc	17	1,62
Viêm nhiễm đường tiết niệu -sinh dục	14	1,33
Nhóm bệnh da hiếm gặp khác	19	1,80
Tổng	1053	100,00

Nhân xét: Bệnh da do cơ chế miễn dịch dị ứng chiếm tỷ lệ cao nhất 47,10%). Tiếp đến là các bệnh lý ở nang lông tuyến bã (16,71%), bệnh da do vi -ký sinh trùng (13,20%), nấm nông (9,21%). Các nhóm bệnh khác chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Bảng 5. Phân bố bệnh nhân theo nhóm bệnh do cơ chế miễn dịch dị ứng

Tên bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
Mày đay vô căn (chưa rõ nguyên nhân)	149	30,04
Viêm da cơ địa	126	25,40
Sẩn ngứa	122	24,60
Viêm da tiếp xúc	86	17,34
Dị ứng thuốc	13	2,62
Tổng	496	100,00

Nhân xét: Bệnh nhân bị bệnh mày đay không rõ nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao nhất trong các bệnh da do miễn dịch dị ứng (30,04%), tiếp đến là viêm da cơ địa (25,40%), sẩn ngứa (24,60%). Các bệnh khác có tỷ lệ thấp hơn, đặc biệt có 13 bệnh nhân dị ứng thuốc (2,62%)

Bảng 6. Phân bố bệnh nhân theo nhóm bệnh nang lông tuyến bã

Tên bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
Trứng cá	139	78,97
Viêm da do tiết bã	37	21,03
Tổng	176	100,00

Nhân xét: Trong nhóm bệnh nang lông tuyến bã chủ yếu là trứng cá da đầu (78,97%), chỉ có 21,03% là viêm da do tăng tiết bã

Bảng 7. Phân bố bệnh nhân theo nhóm bệnh da do vi khuẩn, virus

Tên bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
Chốc - Viêm da mũ	48	34,54
Viêm chân râu, tóc	40	28,78
Zona	22	15,82
Thủy đậu	10	7,20
Herpes	08	5,75
Các bệnh da khác do virus	11	7,91
Tổng	139	100,00

Nhân xét: Bệnh nhân bị bệnh chốc và viêm da mũ chiếm tỷ lệ 34,54%, tiếp đến là các bệnh nhân viêm chân râu, tóc: 28,78%, bệnh nhô zo na: 15,82%. Các bệnh còn lại chiếm tỷ lệ thấp hơn

Bảng 8. Phân bố bệnh nhân theo nhóm bệnh nấm nông

Tên bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
Nấm da thường (hắc bào)	52	53,60
Lang ben	32	33,00
Nấm móng	13	13,40
Tổng	97	100,00

Nhân xét: Nấm da thường N (hắc bào) là bệnh phổ biến nhất trong nhóm bệnh nấm nông, chiếm 53,60%, bệnh lang ben: 33,00%. bệnh nấm móng chiếm tỷ lệ: 13,40%

BÀN LUẬN

Tuổi và giới của bệnh nhân.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi gặp bệnh nhân nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới (bảng 1), điều này có lẽ ở phụ nữ họ thường quan tâm đến các bệnh ngoài hơn nam giới. Về tuổi của bệnh nhân, theo nhiều nghiên cứu khác cho thấy tuổi của bệnh nhân khám và điều trị ở các cơ sở khác thường gặp ở độ tuổi trung niên (30-45 tuổi). Trong nghiên cứu của chúng tôi, lứa tuổi thường gặp là 16-25 chiếm 43,68% (bảng 1), kết quả này cũng rất hợp lý vì tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, đối tượng đến khám bệnh ngoài da tập trung chủ yếu là học sinh -sinh viên, với 43,02% (bảng 2) vì vậy bệnh nhân tập trung chủ yếu ở độ tuổi học sinh -sinh viên (16-25).

Nghề nghiệp và đối tượng bảo hiểm Y tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nghề nghiệp bệnh nhân đến khám học sinh -sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất 43,02%, cán bộ công chức 13,96%, làm ruộng: 17,38% (bảng 2). Như chúng ta biết Thái Nguyên là địa bàn tập trung nhiều trường học với số lượng học sinh - sinh viên đông, việc lựa chọn cơ sở khám bệnh, đặc biệt là các bệnh da thông thường, đối tượng này thường chọn nơi nào ít phải chờ đợi, đỡ mất thời gian với mục đích khám lấy thuốc điều trị ngoại trú chứ không nằm viện. Mặt khác, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược là nơi mà hầu hết các học sinh sinh viên đều có bảo hiểm Y tế, điều đó được thể hiện qua kết quả số bệnh nhân khám bảo hiểm Y tế chiếm tỷ lệ tới 74,54% (bảng 3), trong đó hầu hết là học sinh - sinh viên

Đối tượng khám bảo hiểm y tế và khám tự nguyện chênh lệch rất lớn, chiếm 74,54% còn bệnh nhân tự nguyện là 25,45%. Như trên đã đề cập đến, hầu hết bệnh nhân khám là học sinh - sinh viên: 43,03%, cán bộ công chức: 13,96% (bảng 2), đây là những đối tượng có thể 100% có bảo hiểm Y tế, vì vậy bệnh nhân khám có bảo hiểm cũng tỷ lệ thuận với các đối tượng đến khám

Cơ cấu về bệnh, nhóm bệnh ngoài da.

Trong 1053 bệnh nhân bị bệnh ngoài da nhóm bệnh da dị ứng (viêm da cơ địa, dị ứng chưa rõ nguyên nhân...) chiếm tỷ lệ cao nhất: 47,10%, tiếp đến là bệnh về nang lông tuyến bã: 16,71% và bệnh da do vi -ký sinh trùng: 13,20%, nấm nông: 9,21%... (bảng 4). một số nghiên cứu khác cũng cho thấy tỷ lệ bệnh ngoài da hiện nay đúng đầu vẫn là nhóm bệnh da dị ứng, các nhóm bệnh khác có tỷ lệ thấp hơn. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi, trong nhóm bệnh da dị ứng thường gặp nhất là mày đay vô căn (dị ứng chưa rõ nguyên nhân): 30,04%, viêm da tiếp xúc: 25,40%, sẩn ngứa: 24,60%...(bảng 5). Đây là những bệnh do tác động của môi trường như: bụi nhà, phấn hoa, lông súc vật, hoá chất công, nông nghiệp...một căn bệnh tỷ lệ thuận với sự phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nằm ngoài tầm kiểm soát của con người, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của Phạm Thị Chanh, Nguyễn Quý Thái tại Thái Nguyên năm 1999 [2], trong nhóm bệnh da dị ứng, chúng tôi còn gặp 13 bệnh nhân dị ứng thuốc (2,62%), dị ứng thuốc là 1 tai biến trong điều trị có thể mang lại hậu quả không lường cho bệnh nhân, tuy nhiên những bệnh nhân đến khám với chúng tôi đều là những bệnh nhân dị ứng loại hình nhanh, biểu hiện lâm sàng không nặng nề. Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao thứ 2 là bệnh về nang lông, tuyến bã, đây là nhóm bệnh có liên quan đến nội tiết tố sinh dục, đặc biệt là lứa tuổi trẻ. Kết quả này cũng hoàn toàn hợp lý vì đối tượng khám bệnh hầu hết là học sinh - sinh viên đang độ tuổi dễ bị các bệnh về nang lông tuyến bã, đặc biệt là trứng cá (bảng 6) đây là hiện tượng thường gặp ở tuổi thanh thiếu niên như các y văn đã nêu [3]. Với các bệnh do vi -ký sinh trùng và nấm hay gặp là bệnh chốc -viêm da mũ, viêm chân tóc, hắc bào và lang ben (bảng 7,8) đây là nhóm bệnh có liên quan đến nếp sống vệ sinh, tuy nhiên bệnh cũng có thể lây do nguồn nước sinh hoạt, đồ dùng cá nhân như khăn, chậu rửa, lược, gối... vì vậy, trong một điều kiện nào đó các bệnh trên có

thể trở thành phổ biến trong cộng đồng tập thể như học sinh -sinh viên . Trong nhóm bệnh da do virus, còn có một số bệnh nhân zona, thủy đậu, herpes hoặc một số ít bệnh nhân bị nấm móng. Ngoài 4 nhóm bệnh có số lượng bệnh nhân chiếm ưu thế, chúng tôi còn gặp hầu hết các bệnh ngoài da khác tuy tỷ lệ ít hơn như: bệnh lý về niêm mạc miệng lưỡi: 3,52%; dày sừng, hạt com: 3,14%; rối loạn sắc tố da: 2,37%, rụng tóc từng vùng: 1,62%... và có 14 bệnh nhân bị viêm nhiễm đường tiết niệu sinh dục, chiếm 1,33% (bảng 4)

KẾT LUẬN

Qua kết quả điều tra tại phòng khám bệnh Da liễu BV Trường Đại học Y -Dược Thái Nguyên, chúng tôi có một số kết luận sau:

- Bệnh nhân nam; 37,60%, nữ: 62,40%; chủ yếu là học sinh - sinh viên trong độ tuổi: 16-25.
- Tỷ lệ bệnh nhân khám có bảo hiểm Y tế chiếm: 74,54%
- Nhóm bệnh da dị ứng: 47,10%, trong đó hay gặp: mày đay vô căn, viêm da cơ địa và sần ngứa

- Nhóm bệnh lý nang lông tuyến bã: 16,71%, trong đó chủ yếu là trứng cá tuổi trẻ
- Nhóm bệnh da do vi khuẩn, virus: 13,20% và do nấm: 9,21%.
- Các bệnh lý ngoài da khác như: dày sừng, hạt com, rụng tóc, rối loạn sắc tố da... tỷ lệ thấp hơn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ môn Da liễu-Học viên Quân Y (2001), Giáo trình bệnh Da và Hoa liễu (Sau đại học), Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, tr: 17
2. Phạm Thị Chanh, Nguyễn Quý Thái (1999), Bước đầu xác định cơ cấu bệnh da liễu tại bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên, *Tạp chí Y học thực hành* (360), tr:155.
3. Fitzpatrick (2005), Color atlas & Synopsis of clinical dermatology, McGraw- Hill, 2-7
4. Nguyễn Xuân Hiền, Nguyễn Cảnh Cầu (2001) Giữ làn da khoẻ đẹp; Nhà xuất bản Y học
5. Phạm Văn Hiền (2010) , Da liễu học; Nhà xuất bản Y học Giáo dục Việt nam 22- 27

SUMMARY

THE SITUATION OF DERMATOLOGICAL PATIENTS AT THE CLINIC WARD OF HOSPITAL OF COLLEGE OF MEDICINE AND PHARMACY

Pham Cong Chinh*

College of Medical and Pharmacy - TNU

Objective: Comments structures dermatology patients to examination at the Thai Nguyen University Hospital of Medicine-Pharmacy. **Subjects and methods:** The research described in the patients examined and treated at the dermatology clinic. **Results:** Men accounted for 37.60%, women: 62.40%, mainly pupils-students: 43.02%, health insurance rate: 74.54%. The most common skin diseases are allergic skin disease and eczema/dermatitis: 47.10%. Disease of the hair follicles, sebaceous 16.71%. Skin diseases caused by viruses, bacteria, parasites are: 13.20% and fungal skin diseases are: 9.10%. The other disease of skin have lower rates.

Keywords: *skin disease, skin disease structure*

Ngày nhận bài: 30/11/2013; Ngày phản biện: 12/12/2013; Ngày duyệt đăng: 07/02/2014
Phản biện khoa học: PGS.TS Nguyễn Quý Thái – Trường Đại học Y Dược - ĐHTN

* Tel: 0984 671959, Email: chinhdhytn@gmail.com